

VỀ KHÁI NIỆM LẬP LUẬN TRONG SÁCH GIÁO KHOA¹

NGUYỄN ĐỨC DÂN*

TÓM TẮT

Bài viết này đề cập một vài điều chưa chuẩn về khái niệm lập luận (LL) trình bày trong sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn (NV) trung học phổ thông (THPT). Bài này nhấn mạnh, dạy LL là dạy về lí lẽ. Có tìm ra được lí lẽ trong một LL, nhất là những lí lẽ ngầm ẩn, mới hiểu được bản chất của LL đó. Tìm ra được lí lẽ một cách chính xác cũng là một yêu cầu quan trọng trong phân tích LL.

Từ khóa: chứng minh, lập luận, lí lẽ, tiền đề.

ABSTRACT

Remarking on the concept of argumentation in recent official textbook

This article presents some critical remarks on the concept of argumentation in the official textbook about language and literature for high school.

The author's opinion: The teaching of argumentation is the teaching of reasoning. Only when the reasoning of an argument is found out, especially one that is hidden, can the nature of the argument be understood. Finding the correct reasoning is also an important requirement in analyzing an argument.

Keywords: proving, argumentation, reasoning, premise.

1. Vấn đề

Tôi thường nhận được thư của giáo viên thắc mắc về SGK NV. Dưới đây là một thư hỏi về những khái niệm liên quan đến LL mà SGK gọi lần là *nghị luận* và LL:

“- Theo Ngữ văn 10 tập 2 - cơ bản, “thao tác nghị luận là những động tác được thực hiện theo trình tự và yêu cầu kĩ thuật được quy định trong hoạt động nghị luận. **Phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp và so sánh** là những thao tác nghị luận thường gặp trong hoạt động nghị luận” (tr.134).

- Ngữ văn 10 tập 2 - nâng cao thì lại cho rằng **chứng minh, giải thích, diễn dịch, quy nạp** là các thao tác nghị luận (tr.147).

- Ngoài những thao tác trên, sách Ngữ văn 11 cơ bản lại đưa thêm **thao tác LL bác bỏ** (tr.24,27) và **thao tác LL bình luận** (tr.71,74).

Như vậy, theo chương trình SGK Ngữ văn THPT, có tổng cộng là 9 thao tác LL: **Phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp, so sánh, chứng minh, giải thích, bác bỏ, bình luận**. Theo em, hình như không có sự rõ ràng, minh bạch giữa thao tác tư duy với thao tác nghị luận và các kiểu bài văn nghị luận...” (Trích từ email của một giáo viên hỏi năm 2011).

Những đoạn dẫn trên (mà tôi tin là chính xác) cho thấy SGK lớp 10 và 11 đã trình bày rói và lẫn về khái niệm lập luận. Xin nêu vài điểm cụ thể.

2. Lập luận là chứng minh. Khi

* GS TS, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia TPHCM

chứng minh phải lập luận nên không có “thao tác” chứng minh

Về cơ bản, lập luận là: “*Xuất phát từ tiền đề* (cũng gọi là *luận cứ*), dựa trên những lí lẽ chúng ta đi tới những *kết luận*”. Có hai loại LL. Thứ nhất, LL trong khoa học để chứng minh một *chân lí*; chẳng hạn toán *chứng minh* trong hình học; và thứ hai, LL trong đời thường để *thuyết phục, tạo niềm tin*, nói (chứng minh) cốt sao người nghe thấy “lọt lỗ tai” rồi tin theo kết luận đưa ra hoặc từ bỏ những xác tín cũ.

Cấu trúc một bài toán chứng minh là: “Cho A (*giả thiết*). Hãy chứng minh rằng B (*kết luận*)”. Quá trình *suy luận* từ A tới B là một *quá trình chứng minh* hay quá trình LL. *Lí lẽ* ở đây là những định lí, tính chất, công thức đã biết.

Một bài toán chứng minh có thể bao gồm nhiều LL. Ví dụ: Để chứng minh hai tam giác bằng nhau, chúng ta phải chứng minh rằng hai tam giác này đáp ứng một trong các điều kiện đủ để hai tam giác bằng nhau. Chẳng hạn, đó là điều kiện “cạnh, góc, cạnh”. Lúc đó, chúng ta có 3 phần (ít nhất là 3 LL) để chứng minh rằng cạnh thứ nhất bằng nhau, cạnh thứ hai bằng nhau và góc xen giữa chúng bằng nhau.

Chúng ta nói “Bài này chứng minh bằng phương pháp *quy nạp*, bài kia chứng minh bằng phương pháp *diễn dịch*, còn bài thứ ba chứng minh bằng phương pháp *so sánh*”. Nhưng không thể nói “*Bài này chứng minh bằng phương pháp chứng minh”.

Để khẳng định ý kiến A, chúng ta cần chứng minh rằng A là đúng. Như vậy

cũng đồng thời là *bác bỏ* ý kiến không A. Người ta nói sai ý kiến mình thì chúng ta bác bỏ. Đôi khi chỉ cần nói “Nói vậy không đúng đâu”. Thế là bác bỏ rồi.

Phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp và so sánh... là những phương pháp dùng trong nghiên cứu khoa học, nên nó cũng được dùng trong nghiên cứu Ngữ văn, trong đó có văn nghị luận.

Vậy có ba kết luận:

a) *Chứng minh, bác bỏ* không phải là những “*thao tác*” LL (*ng nghị luận*).

b) Thuật ngữ “*thao tác LL*” dùng trong NV chính là “*phương pháp LL*”.

c) Có bao nhiêu *phương pháp chứng minh* có bấy nhiêu “*thao tác*” LL.

3. Thuật ngữ “thao tác” sinh rồi

SGK không dùng thuật ngữ *phương pháp* mà dùng thuật ngữ “*thao tác*” có vẻ uyên bác nên sinh rồi. Đầu tiên SGK phải định nghĩa thuật ngữ “*thao tác*”: “*Thao tác nghị luận là những động tác được thực hiện theo trình tự và yêu cầu kĩ thuật được quy định trong hoạt động nghị luận.*” (NV 10, II, đoạn ghi nhớ, 134). Trước đó, *không có chỗ nào* trong NV 10 giải thích hay trình bày thế nào là “*động tác được thực hiện theo trình tự và yêu cầu kĩ thuật được quy định trong hoạt động nghị luận*”. Liệu có thể chấp nhận được phương pháp lấy cái chưa biết (chưa trình bày) để định nghĩa một khái niệm mới? Học sinh đành phải nhớ vẹt một định nghĩa “*thao tác nghị luận*” nghe có vẻ hàn lâm nhưng lại rất mơ hồ này.

Nghị luận là dùng *lí lẽ* để nhận biết đúng sai, từ đó mà đánh giá, khen chê tốt xấu.

Trong đời thường, chúng ta luôn

luôn dùng tới lí lẽ, nghĩa là dùng LL mà không cần biết tới những “phương pháp” hay “thao tác” nào cả. Sách *Tiếng Việt* lớp 3, tập I, đã có những ví dụ như vậy. Bài đọc *Dại gì mà dối* (TV 3, I) đại ý: Có đứa con nghịch ngợm. Người mẹ dọa con:

Mẹ: - Mẹ sẽ đổi con lấy đứa bé ngoan.

Con: - Mẹ không đổi được đâu. *Chẳng ai dại gì đổi đứa bé ngoan lấy đứa con nghịch ngợm đâu.*

Qua cặp thoại trên, người mẹ nêu một ý kiến, đứa con đã LL (= chứng minh) rằng ý kiến đó sẽ không thực hiện được (tức là *bác bỏ* ý kiến người mẹ) bằng một *lí lẽ* rất đúng và thông minh. Khái quát của lí lẽ này là người ta “*chỉ đổi cái của mình lấy một cái tốt hơn*”. Biết lí lẽ này sinh viên thấy được cái hay và thông minh của nhiều truyện dân gian. Như: “Khi cha mẹ mất đi, hai anh em chia gia tài. Không ai chịu nhận phần của mình vì cho rằng phần kia nhiều hơn. Hai anh em kéo nhau lên quan. Quan xử: Vậy thì đổi phần cho nhau, cả hai sẽ đều *được phần hơn*.”. Biết được lí lẽ (thường là *ngâm ả*) của một câu nói, của một đoạn văn, sinh viên sẽ nhận ra được ý tứ sâu sắc của chúng.

4. Những “thao tác” lập luận trình bày trong sách Ngữ văn vừa thừa lại vừa thiếu

Nhằm thuyết phục triều đình cho mở khoa Luật, Nguyễn Trường Tộ viết điều trần *Xin lập khoa luật* (trích *Tể cấp bát điều* – tám việc cần làm gấp), ông đã LL về sự cần thiết của luật pháp. Bình luận là nhận định, bàn rồi đánh giá về

một sự kiện. Đó là LL. Có cần “thao tác” LL *bình luận* (tập II, tr.71) như NV 11 không?

Thông thường, chúng ta LL để *khẳng định* điều mình nhận định. Khi tranh luận, *phủ định* nhận định của đối phương, tức là *bác bỏ* ý kiến đó. Sách NV trình bày cả một tiết về “*thao tác*” LL *bác bỏ*, nhưng lại bỏ qua những cách bác bỏ đặc biệt hay dùng. Trong tâm thức người Việt nổi lên hàng đầu là phạm trù *lễ*. Tiên học lễ, hậu học văn. Vì vậy trong giao tiếp bình thường ít khi xảy ra những bác bỏ thẳng thừng, trực tiếp động chạm tới thể diện người nghe. Người ta thường chọn hình thức bác bỏ gián tiếp theo kiểu “*ý tại ngôn ngoại*”. Hình thức này nhất thiết dùng khi nói với vua chúa thượng cấp. Bởi vì “Ai còn nói trái ý, ta chém!”. Hình thức hay dùng nhất là phương pháp *hỏi* nhằm tạo ra lời khuyên để bác bỏ *ngâm ả*². Ví dụ:

“Con ngựa quý của Tề Cảnh Công bỗng nhiên ốm chết. Vua Tề vô cùng giận dữ, hạ lệnh chặt chân tay người coi ngựa. Nhiều người can ngăn lệnh bạo sát vô lí này. Tội để ngựa chết chưa nặng đến mức phải chặt chân tay. Vua Tề hăm đe: Ai dám xin cho nó nữa sẽ bị giết. Quân thần xanh mặt, không ai dám hé răng nữa. Để cứu người coi ngựa, Tề Án Anh nghĩ ra một mẹo để vua *bác bỏ* mệnh lệnh của chính mình. Ông túm tóc người coi ngựa, giơ kiềm lên rồi “*luyện tội*”: “*Người nuôi ngựa làm ngựa chết. Đây là tội thứ nhất. Người làm nhà vua vì ngựa chết mà giết người, trăm họ mà biết tất sẽ oán hận vua. Đây là tội thứ hai. Chư hầu biết việc này tất sẽ khinh*

nước ta. Đây là tội thứ ba". Những lí lẽ này rõ ràng không thuyết phục. Nhưng rồi ông quay hỏi vua Tề:

"Tâu Đại vương, có một điều chưa rõ, xin Thánh thượng dạy. Thời Nghiêu Thuấn xưa, *khi các bậc vua hiền minh này chặt chân tay người, không biết là chặt bên nào trước?*"

Lát sau, vua Tề đành khoát tay bảo: "*Tướng quốc đừng nói bóng gió ta nữa. Không chặt chân tay nó nữa là được chứ gì?*". Vua Tề đã hiểu ra hàm ý khuyên vua trong lời chặt vấn trên qua quá trình LL sau: Nghiêu Thuấn là những vua hiền. Mà vua hiền thì không có hình phạt chặt chân tay. Vậy thì (có lí lẽ): *Ai dùng hình phạt chặt chân tay sẽ không phải là vua hiền*. Không vua nào muốn thành vua ác. Ông đành tự *bác bỏ* mệnh lệnh của mình. Thế là câu hỏi (chặt vấn) cũng là một phương pháp bác bỏ.

5. Dạy lập luận là dạy về lí lẽ

5.1. Có rất nhiều loại lí lẽ

Có muôn mặt quan hệ xã hội và quy luật tự nhiên nên cũng có vô vàn lí lẽ về những quan hệ ấy.

Có những lí lẽ liên quan đến đặc điểm *dân tộc*. Như "Với người Pháp, ai thu hút được nữ giới, gương mặt đó đương nhiên là thành công" (TTCN, số 26, 2000). Hoặc:

"Qua vụ án tình dục với cô thư kí Monica, người dân Mỹ vẫn tin nhiệm tổng thống B. Clinton bởi vì "điều tra dư luận, cho thấy lí lẽ của người Mỹ là như sau: Ông ta làm tốt công việc của mình, cuộc sống tình dục riêng tư của ông ta không phải là chuyện của họ mà là của Hillary, mà bà ta không than phiền gì...

thì thôi" (TT, 18-8-1998).

Có những lí lẽ liên quan tới đặc điểm xã hội, tùy tầng lớp người, tùy con người, tùy phong tục, tùy xã hội, tùy quan điểm, lại có kiểu lí lẽ theo thang độ, lí lẽ theo tướng mạo, hình dáng (*Trông mặt mà bắt hình dong; Đi đứng háp tấp là tướng vất vả/ Đi đứng thong thả là tướng an nhàn/ Đi đứng vững vàng là người phúc hậu*), hay lí lẽ theo tuổi tác (Ngần này tuổi đầu tôi mà không biết cái nào lợi cái nào hại à? (Phim *Đường đời*, tập 22) - Câu này dựa theo lí lẽ càng nhiều tuổi càng biết phải trái).

Lại có lí lẽ theo số đông. Ví dụ: Buổi công diễn đầu tiên vở *Vũ khí và con người* của Kê mô da rất thành công. Cuối buổi, khán giả yêu cầu ông ra sân khấu để giao lưu. Khi Kê mô da vừa bước lên sân diễn thì có tiếng hét:

- Kê mô da, vở kịch dở lắm, chẳng ai thèm xem đâu.

Nghe tiếng hét đó, Kê mô da chào người đó rất lịch sự và nói:

- Anh bạn nói đúng đó. Tôi cũng nghĩ vậy. Có điều, chỉ hai chúng ta phản đối tất cả những người ngồi đây thì đâu có được. Làm sao mà cấm diễn vở kịch này được (Theo NTG, 105).

Cái tài ở đây là bình thản tiếp nhận, *giả vờ* đồng ý, rồi dùng một lí lẽ sắc bén lật ngược lại vấn đề: *cái đúng thuộc về số đông*.

Lưu ý: LL quy nạp (không hoàn toàn) cũng là loại LL theo số lượng: Căn cứ vào số lượng quan sát bộ phận rút ra kết luận cho tổng thể.

Ví dụ: Ở phố Bà Triệu trước kia chỉ có một hàng "Lạc bà Vân" nổi tiếng. Nay

có “Lạc bà Vân *xịn*”, “Lạc bà Vân *chính gốc*”, “Lạc bà Vân *thật 100%*”... và có vô số quán “Lạc bà Vân *xịn*”, “Lạc bà Vân *chính gốc*”, “Lạc bà Vân *thật 100%*”... và vô số biển hiệu “phở gà *thật*”, “quán ông già *thật*”, “tắm quất *thật*”... “Có phải bây giờ người ta đang nói dối nhau nhiều quá nên ở đâu cũng phải giăng ra những biển hiệu gắn liền với chữ “*thật*”? (Phan Đăng, TT, 02-5-2012).

Đoạn văn trên là LL theo phương pháp quy nạp mà kết đề khái quát là: Khi người ta nói dối quá nhiều thì trên hình thức (lời nói, biển hiệu) phải giăng ra những chữ “*thật*”. Hệ quả là trong xã hội ngày nay hình thành loại “ngôn ngữ gỗ” (langue de bois): Vấn đề này sẽ “*xử lí nghiêm, xử lí kiên quyết, xử lí triệt để, xử lí không khoan nhượng...*”. Những câu nói của miệng này đáng tin được mấy phần trăm?

Có nhiều lí lẽ cho một hiện tượng:

“Là con trai cả của Nguyễn Đệ Đông Tấn, Tư Mã Chiêu ngay từ nhỏ đã vô cùng thông minh, được Tấn Nguyên Đệ rất yêu quý. Năm đó, Tư Mã Chiêu mới lên 9. Một hôm cậu cùng cha dạo chơi thì thấy một viên quan từ Trường An đến kinh đô. Tấn Nguyên Đệ buột miệng hỏi:

- Con nói xem, mặt trời và Trường An nơi nào gần chúng ta hơn?

Tư Mã Chiêu trả lời ngay:

- Trường An gần chúng ta hơn.

- Căn cứ vào đâu mà con nói vậy?

- Con thường chỉ nghe nói từ Trường An đến kinh thành, chứ không nghe ai nói có người từ mặt trời đến, do

vậy Trường An gần chúng ta hơn.

Ngày hôm sau, Tấn Nguyên Đệ mở tiệc chiêu đãi quần thần. Giữa bữa tiệc ông gọi Tư Mã Chiêu đến bên, xoa đầu con hỏi:

- Con ngoan, con hãy nói cho mọi người biết Trường An hay mặt trời gần chúng ta hơn?

- Tư Mã Chiêu ngẩng đầu lên nhìn các quan đang ngồi chật kín triều tiệc, đồng dục nói:

- Mặt trời gần chúng ta hơn.

Nghe vậy Tấn Nguyên Đệ rất thất vọng nói với con:

- Cái thằng này, hôm qua con chẳng nói Trường An gần chúng ta hơn đó sao! Tại sao hôm nay con lại trả lời khác đi vậy?

Tư Mã Chiêu cười hì hì:

- Chúng ta chỉ cần ngẩng đầu lên là thấy ngay *mặt trời* (Vua là “*mặt trời*”). Nhưng làm thế nào thấy ngay Trường An được? Cho nên con nói mặt trời gần chúng ta hơn.

Tục ngữ là lí lẽ. Lí lẽ thì muôn hình vạn trạng, có thể tìm thấy cách nói ngắn gọn tương đương ở dạng tục ngữ. Để nói “lòng dạ con người thay đổi khôn lường”, chúng ta có câu ca dao-tục ngữ “*Mai mưa, trưa nắng, chiều nồm/ Trời còn thay đổi hướng mồm thế gian*”. Có hàng loạt tục ngữ nói về quan hệ nhân quả. Bình luận về một con người bạc ác, hay hãm hại người khác, chúng ta nói *Nó hay hại người, tất có người hại nó*. Câu này là LL dựa trên lí lẽ về thuyết nhân quả “*Gieo gió thì gặt bão*”, “*Sinh sự thì sự sinh*”. Một gia đình trước kia giàu có, quyền cao chức trọng nhưng ăn ở với mọi

người không ra gì, hồng hách, kiêu bạc... sau đó đòi con cháu bị sa sút, trở nên nghèo hèn, người ta có thể bình luận “*Đòi cha ăn mặn, đòi con khát nước mà*”. Có hàng loạt những lời ngợi khen chê trách, ban thưởng hay trừng phạt, khuyến khích hay can ngăn... cũng đều dùng tới lí lẽ về quan hệ nhân quả “*Có chí thì nên*”, “*Có công mài sắt có ngày nên kim*”, “*Hay đi đêm tắt có ngày gặp ma*”, “*Giậu đổ bìm leo mà!*”...

Tục ngữ phản ánh nhận thức con người về quy luật xã hội và tự nhiên, quy luật về những mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng. Chúng là lí lẽ, triết lí của một cộng đồng xã hội, của một dân tộc. Vì vậy tục ngữ là kho tàng lí lẽ về mọi phương diện của cuộc đời người sống trong trời đất.

5.2. Dạy kĩ năng phân tích lập luận cho học sinh, sinh viên là dạy tìm ra tiền đề, lí lẽ và kết đề của một lập luận. Sách Ngữ văn ít chú ý tới lí lẽ, điều không thể không nhấn mạnh khi trình bày về lập luận

Tìm ra lí lẽ trong một LL có tầm quan trọng đặc biệt. Không tìm ra được lí lẽ trong một LL là chưa hiểu LL đó. Tìm ra lí lẽ ngầm ẩn, những lí lẽ không tường minh, của một LL là việc không đơn giản. Đặc biệt thú vị là những LL mà từ những tiền đề khác nhau lại dẫn tới cùng một kết đề hay là từ một tiền đề lại dẫn tới những kết đề khác nhau. Để xác định được tiền đề, lí lẽ và kết đề của một LL cần có kĩ năng phân tích cấu trúc câu.

Chúng ta nêu vài ví dụ:

Ví dụ 1: *Từ hai tiền đề đối lập nhau cùng dẫn tới một kết đề.* Có hai ông bố

khuyến con.

Ông A: (1) “Xưa nay, nhà mình *ai cũng* đậu đại học. Cho nên, kì này thằng Út phải rắng mà đậu đại học.”

Ông B: (2) “Xưa nay, nhà mình *chẳng ai* đậu đại học. Cho nên, kì này thằng Út phải rắng mà đậu đại học.”

Cả hai lời khuyên trên đều là những LL xuất phát từ những tiền đề *trái ngược* nhau nhưng lại cùng đi tới một kết đề. Lời khuyên nào nghe cũng thuận tai, cũng *có lí*. Chúng đều có sức thuyết phục.

Lí lẽ của ông A là: *Phải giữ truyền thống gia đình.*

Lí lẽ của ông B là: *Gia đình có người học đại học thì mới ngẩng mặt lên được với làng xóm.*

Đặt những lí lẽ này xen giữa tiền đề và kết luận trong LL của mỗi ông bỏ chúng ta đi tới những LL đầy đủ:

Ông A: “Xưa nay, nhà mình *ai cũng* đậu đại học. *Phải giữ truyền thống gia đình.* Cho nên, kì này thằng Út phải rắng mà đậu đại học.”

Ông B: “Xưa nay, nhà mình *chẳng ai* đậu đại học. *Gia đình có người học đại học thì mới ngẩng mặt lên được với làng xóm.* Cho nên, kì này thằng Út phải rắng mà đậu đại học.”

Ví dụ 2: *Cùng một kiểu quan hệ, có hai lí lẽ ngược nhau.*

Với quan hệ “là bạn”, người này coi là có tính “bác cầu”, nhưng người khác lại phủ định tính chất bác cầu. Và cả hai đều có thể chấp nhận được.

Một cô gái LL rằng “là bạn” có tính chất “bác cầu”, để bào chữa cho những hành vi thân mật quá mức của mình khiến bạn trai cô ta ngỡ vực:

(1) Anh ấy là bạn thân của anh mà anh lại là bạn của em, cho nên em coi anh ấy cũng như là bạn của em chứ sao!

Một cô gái khác lại phủ định tính chất bác cầu của quan hệ “là bạn” để biểu hiện sự bức bối, ghen tuông:

(2) Anh nên nhớ anh là bạn của em, còn cô Oanh là bạn của anh, nhưng không vì thế mà cô ta thành bạn của em được đâu!

5.3. Vai trò của từ hư trong xác định lí lẽ ngầm ẩn

Trong không ít trường hợp, lí lẽ không được nói ra một cách hiển ngôn. Lúc đó, để xác định được lí lẽ cần chú ý tới những quan hệ lô gích-ngữ nghĩa giữa các vế câu và các từ hư. Qua các từ hư, chúng ta có thể dễ dàng tìm ra được lí lẽ ở những vế câu trực tiếp có liên quan với chúng. Một số ví dụ:

(1) *LL qua một cặp thoại*

“A: Anh bảo con chó này khôn lắm nhưng tôi chẳng thấy nó hiền.

B: Nhưng tôi bảo là nó khôn chứ có bảo là nó hiền đâu.”

Hàm ý trong lời của A là khẳng định: Con chó này không khôn như anh nói. Nó chẳng hiền. Nhờ từ *nhưng* mà chúng ta biết được lí lẽ của A: “Con chó chẳng hiền thì không khôn”, tức là “con chó khôn thì hiền”.

Từ *nhưng* mở đầu lời của B là một tín hiệu bác bỏ lời A nói. Về đầu, B nhắc lại lời đã nói (tôi bảo là nó khôn) nhằm khẳng định “đúng là tôi đã nói vậy”. Từ *chứ* trong vế thứ hai, là một tín hiệu B bác bỏ hàm ý của A (anh bảo nó hiền mà nó chẳng hiền). B bác bỏ theo cách chất vấn: (tôi) “có bảo là nó hiền đâu”. B xác

nhận con chó của mình khôn và không hiền dẫn tới *bác bỏ lí lẽ* của A coi “hiền” là một điều kiện cần của “khôn” (Con chó chẳng hiền thì không khôn). Trong đoạn đối đáp trên, tác từ *nhưng* liên kết với lượt lời thứ nhất và đóng vai trò của một kết từ biểu hiện hành vi bác bỏ để dẫn tới hành vi khẳng định.

(2) “Có lần Nguyễn Khải tâm sự: “Cha Phùng Quán ghê lắm. Hồi ấy lão có tí tuổi đầu, nghe người ta kể mà làm được cái *Vượt Côn Đảo* hay đến như thế”. Một ngòi bút tầm cỡ như Nguyễn Khải mà còn bái phục *Vượt Côn Đảo* thì không thể xem thường.” (Trần Đăng Khoa, *Chân dung và đối thoại*, 270).

Câu thứ nhất của Nguyễn Khải, khen “Phùng Quán ghê lắm”. Câu thứ hai là một lí lẽ chứng minh cho lời khen này. Ở đây, từ *mà* là một tín hiệu nghịch nhân quả. Về sau khen “*Vượt Côn Đảo* hay đến như thế” nên về đầu phản ánh một điều khiến người ta nghĩ rằng theo *lẽ thường* thì không thể hay đến như thế. Cái *lẽ thường* này liên quan đến hai cụm từ “có tí tuổi đầu” và “nghe người ta kể”. “Có tí tuổi đầu” liên quan đến lí lẽ về thang độ:

i) Về nhận thức và kinh nghiệm sống thì *trẻ không bằng già*.

Còn “nghe người ta kể” cũng liên quan đến lí lẽ về thang độ:

ii) “*Trăm nghe không bằng một thấy*”. Cái thấy quan trọng hơn, có giá trị hơn cái nghe rất nhiều..

Cả hai lí lẽ trên đồng hướng và bổ sung cho nhau khiến người ta nghĩ rằng (tức là dẫn tới kết đề) như thế thông thường sẽ không có tác phẩm hay được.

Từ mà trò quan hệ nghịch nhân quả nên đã đảo hướng LL. Kết quả là LL của Nguyễn Khải có thể trình bày lại như sau: Chỉ mới tí tuổi đầu và chỉ mới nghe mà đã hay vậy, nếu trưởng thành và nếu thấy thì còn viết hay hơn nhiều: Cha Phùng Quán ghê lắm, giỏi lắm!

Câu thứ ba là LL của Trần Đăng Khoa, lí lẽ theo uy tín và sắp xếp sự vật theo thang độ: Nguyễn Khải là ngôi bút tầm cỡ trong làng văn. Ông báỉ phục Vượt Côn Đảo. Vậy những người khác trong làng văn xếp không hơn ông, cũng phải báỉ phục (không thể xem thường). Khải quát của lí lẽ theo thang độ này như sau: “A xếp trên B. A đánh giá thế nào thì B cũng phải/nên đánh giá thế ấy”.

(3) Trong cuộc thi tài năng âm nhạc Vietnam Idol, ca sĩ Siu Black ngồi trong ghế giám khảo. Khi thí sinh Sơn Lâm (khuyết tật) bị loại, Siu Black nói: “*Nếu trong chương trình của người khuyết tật, em muốn hát cho mọi người nghe, em sẽ thành công*”.

Sơn Lâm phản ứng: “*Giám khảo nên nhớ, tôi đã có hai bằng đại học*” (Theo Vnexpress, 17-7-2010). Siu Black cho rằng cô rất cảm kích, nên ngay sau khi Sơn Lâm hát, cô có nói “*Chị có thể ôm em được không?*” và nói tiếp một câu động viên nhưng Sơn Lâm lại cho rằng câu nói trên đây xúc phạm tới người khuyết tật nên đã gửi đơn kiện đến các cơ quan có thẩm quyền.

Phân tích: Trong chương trình cho người bình thường (không khuyết tật) em không thành công. Nhưng [Nếu] trong chương trình của người khuyết tật, em sẽ thành công”. Câu trên bộc lộ một lí lẽ

ngầm ẩn: Sự thành công của giọng hát được xếp theo thang độ. Cùng một giọng hát, không thành công ở mức A (bình thường) nhưng thành công ở mức B (khuyết tật) thì mức độ B thấp hơn mức độ A. Suy ra: giá trị thành công ở cấp độ người khuyết tật thì thấp hơn giá trị thành công đối với người bình thường. Sơn Lâm phản ứng là phải.

5.4. Không có thói quen lập luận có lí lẽ thì sẽ thành thói quen lập luận quyền uy

Trong cuộc sống chúng ta thường thấy những LL đưa ra những kết luận mà không có lí lẽ gì, hoặc dựa trên những lí lẽ hoàn toàn không thuyết phục. Những LL này được gọi là “LL chụp mũ”. Đây là lối LL của những người mà lẽ phải không thuộc về họ, nhưng họ có quyền phán xét. Vua chúa chẳng hạn. Đây cũng là lối LL của người không có trình độ hoặc những người có trình độ và biết rằng không thể kết luận như vậy nhưng vì mục đích vụ lợi họ vẫn kết luận như vậy. Những quần thần trong truyện ngắn “Bộ quần áo mới của Hoàng đế” của Andersen đồng thanh khen bộ quần áo mới của nhà vua thuộc trường hợp thứ hai này. Trong một xã hội dân trí thấp và không được tự do tranh luận thì thường xảy ra những LL kiểu chụp mũ này. Xin nêu một ví dụ:

Đạo diễn Trần Văn Thủy kể lại đã từng bị “điều đứng” khi làm phim “Hà Nội trong mắt ai”. Những lời bình của T. V. Thủy trong phim này khiến anh bị kết tội. Phim vừa mới ra đời đã bị bằm dập không tưởng tượng nổi. Lời bình phim như sau:

“Đến phố Hàng Bột, tạt vào chùa Huy Văn, xưa gọi là điện Huy Văn. Ta gặp lại Lê Thánh Tông, gặp lại những chuyện kể mà người đời nay còn phải nhiều ngẫm nghĩ. Bởi từng có thời thơ ấu gian nan, chịu nhiều oan trái hay bởi chữ TÂM mà xưa trên mảnh đất này, nơi vườn hoa Cửa Nam bây giờ, năm 1491, Lê Thánh Tông đã cho dựng đình Quang Văn, trong đình đặt trống Đấng Văn để ai có điều gì oan khuất, đến nơi bày tỏ, đến đây đánh lên ba hồi trống, nội quan ra nhận đơn và nhà vua sẽ xét xử.” Luận về các thời phong kiến xưa, các sử gia góp rằng “*Giá như thời hậu Trần hay thời Lê mà đặt trống Đấng Văn ở đây thì dân chúng quanh vùng sẽ phải đình tai nhức óc.*”

Và Trần Văn Thủy than: “Khốn nạn quá! Cái chữ *xưa*, sau này làm mình điều đứng. Người ta thẳm vấn: Thế thì tại sao không phải là *thời phong kiến* mà lại là *thời phong kiến xưa*? Anh nói thế là có *thời phong kiến nay* à? Rồi thì “*Lê mặt là Lê nào?*” (TT, 26-5-2013)

Người ta thẳm vấn như vậy vì họ không tìm ra được những lí lẽ thuyết phục để chứng minh rằng lời bình này có hàm ý xấu. Những kết luận đó dựa trên phán xét “viết như vậy là có *ám chỉ* xấu”. Nhưng “Không có quy tắc ngôn từ hay lô gích để xác định lời nói A cốt *ám chỉ* B. Người ta hiểu ngầm lời *ám chỉ* đó nhưng không có cơ để bắt lỗi”. *Không có cơ để bắt lỗi* nhưng người có quyền thì vẫn có quyền bắt lỗi mà không cần lí lẽ. Đó là những LL *quyền uy*. Mặc dù người ta biết rằng trong lịch sử Việt Nam có 3 thời Lê, *Lê sơ*, *Lê trung hưng* và *Lê mặt* nhưng

Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam lúc đó họ Lê, nên họ “suy ra” *Lê mặt* mang dụng ý ám chỉ, xỏ xiên nên mới chất vấn “*Lê mặt là Lê nào?*”. Thế là hình thành những bản án không có văn bản công khai, thậm chí chỉ là những bản án miệng.

5.5. Cần dạy sinh viên biết phương pháp suy luận hình thức để tìm ra lí lẽ một cách chặt chẽ

Ví dụ (1): Chúng ta quan sát LL của Thúy Kiều tha hay không tha Hoạn Thư: “*Tha ra thì cũng may đời /Làm ra mang tiếng con người nhỏ nhen*”. Phân tích hình thức lí lẽ của Thúy Kiều:

Trong lô gích có tam đoạn luận: Từ hai tiền đề [($a \Rightarrow b$) & không muốn b]. Chúng ta suy ra kết đề “không nên a ” (cũng tức là “*đừng a*”)

a = làm ra = không tha; b = mang tiếng con người nhỏ nhen;

Tiền đề 1 trong LL trên là: *Nếu không tha thì sẽ mang tiếng con người nhỏ nhen.*

Tiền đề 2 là lí lẽ ngầm ẩn: Kiều không muốn mang tiếng con người nhỏ nhen.

Theo tam đoạn luận trên, kết đề sẽ là: *đừng không tha* = không nên không tha = nên tha. Và Kiều đã tha Hoạn Thư.

Ví dụ (2): *Quy tắc phát hiện kẻ phạm tội* (thường gặp) trong truyện dân gian

“Một anh hàng dầu mất tiền. Anh ta nghi cho một người mù. Hai bên cãi nhau náo loạn. Quan bắt tra xét rồi bảo người “mù” bỏ tiền của mình vào nước. Thấy có váng dầu nổi lên mặt nước quan liền kết luận: Người giả mù này đã ăn cắp tiền

của anh hàng dầu.”³

Cách xử kiện này chứng tỏ quan đã LL như sau:

1) *Chỉ* tiền của anh hàng dầu (thì) mới dính dầu.

2) *Chỉ* tiền dính dầu (thì) khi cho vào nước mới nổi váng dầu.

Từ *chỉ* trong lí lẽ 1) và lí lẽ 2) cho thấy đó là lí lẽ về điều kiện đủ *duy nhất*⁴.

Vậy 1) tương đương với: “Tiền của anh hàng dầu sẽ dính dầu còn tiền không phải của anh hàng dầu sẽ không dính dầu”. Tức là:

(1) $(a \Rightarrow b)$

(2) $(\sim a \Rightarrow \sim b)$

ở đó: a = tiền của anh hàng dầu; b = tiền dính dầu.

Tương tự, 2) tương đương với:

(3) $(b \Rightarrow c)$

(4) $(\sim b \Rightarrow \sim c)$

ở đó: b = tiền dính dầu; c = tiền nổi váng dầu (khi cho vào nước).

Kết hợp (2) và (4), ta được hai tiền đề của phép suy luận HS (Hypothetical Syllogism):

$(\sim a \Rightarrow \sim b) \wedge (\sim b \Rightarrow \sim c)$. Từ đây, theo suy luận HS, tức là suy luận bắc cầu, chúng ta suy ra:

(5) $(\sim a \Rightarrow \sim c)$

Theo tính chất phản đảo (trong phép kéo theo), (5) tương đương với (6):

(6) $c \Rightarrow a$

Nghĩa là: đồng tiền nào khi cho vào nước mà nổi váng dầu (thì) sẽ là tiền của anh hàng dầu.

(7) c (thực tế thấy tiền nổi váng dầu)

Tam đoạn luận *modus ponens* (suy luận theo điều kiện đủ) như sau:

$[(c \Rightarrow a) \wedge c] \Rightarrow a$

(6) và (7) là hai tiền đề của tam đoạn luận trên. Vậy suy ra kết quả a (= là tiền của anh hàng dầu). Vậy thì: *Người “mù” này đã ăn cắp tiền của anh hàng dầu.*

Phương pháp phát hiện kẻ phạm tội trong hàng loạt truyện dân gian Việt Nam và thế giới đều theo khuôn này.

6. Kết luận

Trong đời thường, chúng ta luôn luôn dùng LL. Bởi vậy, LL có tầm quan trọng đặc biệt trong chương trình Ngữ văn. Khi dạy LL, phần quan trọng nhất là tìm cho ra lí lẽ của một LL. Hiện nay chúng ta muốn nâng cao trình độ tư duy, năng lực phân tích, óc phê phán của sinh viên, nên phần LL càng có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. LL cần được dạy xuyên suốt trong chương trình Ngữ văn.

¹ Bài này đã gửi tham gia *Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc năm 2013*, Đại học Sư phạm Hà Nội, tháng 10-2013.

² Có thể tham khảo bài tôi viết “Phương pháp hỏi – một nghệ thuật lập luận”, *Tạp chí Kiến thức ngày nay*, (450), ngày 10-02-2003, tr.42-47.

³ Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 3.

⁴ Thực ra ở 1 đã bỏ qua một ngoại lệ: người mua dầu đưa tiền quan và anh hàng dầu trả lại những đồng tiền lẻ bằng trình thì tiền trình của người này cũng dính dầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương Ngôn ngữ học*, tập 2, *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Đức Dân (2004), *Nhập môn Logic hình thức và logic phi hình thức*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Dân (2013), *Giới thiệu Logic phi hình thức*, Hội nghị Ngôn ngữ học quốc tế Hà Nội.
5. Anscombe J. C & Ducrot O (1983), *L'Argumentation dans la langue*, Mardaga.
6. Perelman C. & Olbrechts-Tyteca L. (1969), *Traité de l'argumentation - La Nouvelle Rhétorique*, Bruxelles: Éditions de l'Université de Bruxelles(bản dịch tiếng Anh của J. Wilkinson & P. Weaver: *The New Rhetoric: A Treatise on Argumentation*).
7. Plantin Ch. (1996), *L' Argumentation*, Seuil, Paris.
8. Walton D.N. (2008), *Informal logic: a pragmatic approach* (2nd Ed.), Cambridge University Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 27-02-2014; ngày phản biện đánh giá: 24-3-2014;
ngày chấp nhận đăng: 10-4-2014)